

Thí Sinh chọn 1 câu đúng nhất trong các lựa chọn, sau đó đánh dấu X vào bảng trả lời trên mỗi câu tương ứng. Những câu hỏi có 2 lựa chọn trở lên được xem như không hợp lệ.

1. Trong Powerpoint, để tạo liên kết chuyển đến trang kế tiếp, ta thực hiện:

- A. Chọn đối tượng cần tạo liên kết • Insert • Custom Shows • Slide • Next slide
- B. Chọn đối tượng cần tạo liên kết • Insert • Action • Hyperlink to • Next slide
- C. Chọn đối tượng cần tạo liên kết • Slide Show • Action settings • Slide • Next slide
- D. Chọn đối tượng cần tạo liên kết • Slide Show • Custom Shows • Hyperlink to • Next slide

2. Trong Powerpoint, để tạo liên kết chuyển đến trang bất kỳ, ta thực hiện:

- A. Chọn đối tượng cần tạo liên kết • Insert • Action • Hyperlink to • Slide...
- B. Chọn đối tượng cần tạo liên kết • Insert • Action • Hyperlink to • Next slide...
- C. Chọn đối tượng cần tạo liên kết • Insert • Action • Hyperlink to • Custom Show...
- D. Chọn đối tượng cần tạo liên kết • Insert • Custom Shows • Hyperlink to • URL...

3. Trong Powerpoint, để tạo liên kết chuyển đến trang cuối cùng, ta thực hiện:

- A. Chọn đối tượng cần tạo liên kết • Insert • Custom Shows • Slide • Last slide
- B. Chọn đối tượng cần tạo liên kết • Insert • Action • Hyperlink to • Next slide
- C. Chọn đối tượng cần tạo liên kết • Insert • Custom Shows • Slide • End Show
- D. Chọn đối tượng cần tạo liên kết • Insert • Action • Hyperlink to • Last slide

4. Trong Powerpoint, để đánh số trang cho tất cả các slide, ta thực hiện:

- A. Chọn Tab Insert • Header and Footer • Slide • Chọn Slide Number • Apply to All
- B. Chọn Tab Insert • Header and Footer • Slide • Chọn Page Number • Apply to All
- C. Chọn Tab Insert • Header and Footer • Slide • Chọn Slide Number • Apply
- D. Chọn Tab Insert • Header and Footer • Slide • Chọn Page Number • Apply

5. Trong Powerpoint, để tạo tiêu đề cuối trang cho slide hiện tại, ta thực hiện:

- A. Chọn Tab Insert • Header & Footer • Chọn Footer • nhập nội dung tiêu đề • Apply to All
- B. Chọn Tab Insert • Footer • Chọn Footer • nhập nội dung tiêu đề • Apply to All
- C. Chọn Tab Insert • Footer • Chọn Footer • nhập nội dung tiêu đề • Apply
- D. Chọn Tab Insert • Header & Footer • Chọn Footer • nhập nội dung tiêu đề • Apply

6. Trong Microsoft Powerpoint, để chèn âm thanh vào Slide ta thực hiện thao tác nào sau đây?

- A. Chọn Tab Home • Audio • Audio from file
- B. Chọn Tab Slide Show • Audio • Audio from file
- C. Chọn Tab Insert • Audio • Audio from file
- D. Chọn Tab Design • Audio • Audio from file

7. Trong Microsoft Powerpoint, để chèn Video vào slide ta thực hiện thao tác nào sau đây?

- A. Chọn Tab Home • Video • Video from file
- B. Chọn Tab Slide Show • Video • Video from file
- C. Chọn Tab Design • Video • Video from file
- D. Chọn Tab Insert • Video • Video from file

8. Trong Microsoft Powerpoint, để cắt Video, ta thực hiện thao tác nào sau đây?

- A. Chọn Tab Playback • Trim Video
- B. Chọn Tab Design • Trim Video
- C. Chọn Tab Slide Show • Trim Video
- D. Chọn Tab Format • Trim Video

9. Trong Microsoft Powerpoint, để cắt âm thanh ta thực hiện thao tác nào sau đây?

- A. Chọn Tab Design • Trim Audio
- B. Chọn Tab Slide Show • Trim Audio
- C. Chọn Tab Playback • Trim Audio
- D. Chọn Tab Format • Trim Audio

10. Trong Microsoft Powerpoint, để chèn Bookmark lên Video ta thực hiện thao tác nào sau đây?

- A. Chọn Tab Design • Add Bookmark
- B. Chọn Tab Slide Show • Add Bookmark
- C. Chọn Tab Playback • Add Bookmark
- D. Chọn Tab Insert • Add Bookmark

11. Trong Microsoft Powerpoint, chức năng Trigger có công dụng gì?

- A. Là một hiệu ứng bình thường
- B. Kích hoạt một hiệu ứng khác
- C. Hiệu ứng chuyển sang Slide khác
- D. Điều khiển âm lượng của Video

12. Trong Microsoft Powerpoint, để sử dụng bút vẽ khi trình diễn ta thực hiện thao tác nào sau đây?

- A. Nhấp chuột phải, chọn Pointer Option ▪ Pen
- B. Nhấp chuột phải, chọn Screen ▪ Pen
- C. Nhấp chuột phải, chọn Pointer ▪ Pen
- D. Nhấp chuột phải, chọn Screen Option ▪ Pen

13. Trong Microsoft Powerpoint, để sử dụng bút vẽ khi trình diễn ta nhấn tổ hợp phím nào sau đây?

- A. Alt + P
- B. Shift + P
- C. Ctrl + P
- D. Ctrl + Alt + P

14. Trong Microsoft Powerpoint, để sử dụng gôm tẩy xóa những nét vẽ khi trình diễn ta nhấn tổ hợp phím nào sau đây?

- A. Alt + E
- B. Shift + E
- C. Ctrl + Alt + E
- D. Ctrl + E

15. Trong Microsoft Powerpoint, để sử dụng bút tô Highlighter khi trình diễn ta thực hiện thao tác nào sau đây?

- A. Nhấp chuột phải, chọn Screen ▪ Highlighter
- B. Nhấp chuột phải, chọn Pointer ▪ Highlighter
- C. Nhấp chuột phải, chọn Screen Option ▪ Highlighter
- D. Nhấp chuột phải, chọn Pointer Option ▪ Highlighter

16. Trong Microsoft Powerpoint, để liên kết Slide hoặc liên kết file ta thực hiện thao tác nào sau đây?

- A. Chọn đối tượng liên kết, nhấp chuột phải, chọn Hyperlink
- B. Chọn đối tượng liên kết, chọn Tab Insert ▪ Hyperlink
- C. Chọn đối tượng liên kết, nhấn tổ hợp phím Ctrl + K
- D. Tất cả đều đúng

17. Trong Microsoft Powerpoint, để tạo nút điều hướng (Action buttons) ta thực hiện thao tác nào sau đây?

- A. Chọn Tab Insert ▪ Smart Art ▪ Action Buttons tương ứng
- B. Chọn Tab Design ▪ Shapes ▪ Action Buttons tương ứng
- C. Chọn Tab Insert ▪ Shapes ▪ Action Buttons tương ứng

D. Chọn Tab Design • Smart Art • Action Buttons tương ứng

18. Trong Microsoft Powerpoint, để tạo mới Custom Show cho bài thuyết trình ta thực hiện thao tác nào sau đây?

A. Chọn Tab Slide Show • Custom Slide Show • Custom Show...

B. Chọn Tab Slide Show • Custom Show...

C. Chọn Tab View • Custom Slide Show • Custom Show...

D. Chọn Tab View • Custom Show...

19. Trong Microsoft PowerPoint, để điều chỉnh độ sáng-tối cho hình nền thì thực hiện thao tác nào sau đây?

A. Chuột phải lên Slide/Format background...Picture Corrections

B. Chọn tab Insert -> Corrections

C. Chọn tab Layout -> Corrections

D. Chọn tab Format -> Corrections

20. Trong Microsoft Powerpoint, để thiết lập cho bài thuyết trình khi trình chiếu đến Slide cuối cùng thì lặp lại Slide đầu tiên, ta đánh dấu vào mục nào sau đây?

A. Chọn Tab Slide Show • Set Up Slide Show • Show without narration

B. Chọn Tab Slide Show • Set Up Slide Show • Show without animation

C. Chọn Tab Slide Show • Set Up Slide Show • Presented by a speaker (full screen)

D. Chọn Tab Slide Show • Set Up Slide Show • Loop continuously until 'ESC'

21. Trong Microsoft Powerpoint, để đóng gói bài trình diễn ra đĩa ta thực hiện thao tác nào sau đây?

A. Chọn Tab File • Recent • Package for CD

B. Chọn Tab File • Save & Send • Package Presentation for CD • Package for CD

C. Chọn Tab File • Save & Send • Package for CD

D. Chọn Tab File • Package for CD

22. Trong Microsoft Powerpoint, để tạo tiêu đề cho Slide ta thực hiện thao tác nào sau đây?

A. Chọn Tab Review • Header & Footer

B. Chọn Tab View • Header & Footer

C. Chọn Tab Insert/Text • Header & Footer

D. Chọn Tab Design • Header & Footer

23. Trong Microsoft PowerPoint, để in các Slide tùy chọn (không theo thứ tự), thao tác Tab File -> Print và tại mục Setting ta chọn mục nào sau đây?

- A. Print All Slides
- B. Print Selection
- C. Print Current Slide
- D. Custom range

24. Trong Microsoft Powerpoint, có thể in tối đa bao nhiêu Slide trong một trang giấy A4?

- A. 4 Slide
- B. 6 Slide
- C. 9 Slide
- D. 12 Slide

25. Trong Microsoft Powerpoint, để in theo dạng handouts, PowerPoint không cho in bao nhiêu slide trên 1 trang giấy?

- A. 2 Slide
- B. 3 Slide
- C. 4 Slide
- D. 5 Slide

26. Trong Microsoft Powerpoint, để tạo bài thuyết trình thành Video ta thực hiện thao tác nào sau đây?

- A. Chọn Tab File • Create a Video • Create Video
- B. Chọn Tab File • Save & Send • Create a Video • Create Video
- C. Chọn Tab File • Recent • Create a Video • Create Video
- D. Chọn Tab File • Info • Create a Video • Create Video

27. Trong Microsoft Powerpoint, tập tin được lưu dưới dạng có phần mở rộng nào sau đây để khi mở ra sẽ tự động trình chiếu?

- A. *.ppt
- b. *.pptx
- C. *.ppsx
- d. *.ppts

28. Trong Microsoft Powerpoint, để cho phát đi 1 đoạn âm thanh xuyên suốt trên tất cả các slide, trong ngăn Playback, nhóm Audio Options • Start, ta chọn mục nào sau đây?

- A. Automatically
- B. On Click
- C. Play across slides
- D. Không cần chọn, đoạn âm thanh tự động thực hiện

29. Trong Microsoft Powerpoint, khi thiết lập các tùy chọn cho video, chọn chức năng Rewind after Playing là để làm gì?

- A. Phát đoạn phim liên tục
- B. Phát lại từ đầu sau khi phát xong
- C. Ẩn phim khi không phát
- D. Phát phim ở chế độ toàn màn hình

30. Trong Microsoft PowerPoint, để chuyển nội dung trong Textbox sang dạng sơ đồ (SmartArt) ta thực hiện thao tác nào sau đây?

- A. Chọn tab Design -> Convert to SmartArt -> chọn kiểu sơ đồ
- B. Chọn tab Format -> Convert to SmartArt -> chọn kiểu sơ đồ
- C. Chọn tab Insert -> Convert to SmartArt -> chọn kiểu sơ đồ
- D. Chọn tab Home/Paragraph -> Convert to SmartArt -> chọn kiểu sơ đồ